

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 38

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) với mã giao dịch là STG theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Bá Thọ	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Quyết Thắng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Trần Văn Thịnh	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	
Bà Đoàn Thị Đông	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vũ Hoài Ân	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng kèm theo này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2017



Số tham chiếu: 61113814/18590763

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 16 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.


Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Hang Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1



Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		227.749.062.419	128.412.292.020
110	I. Tiền	4	30.054.543.740	12.189.528.769
111	1. Tiền		30.054.543.740	12.189.528.769
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		33.390.032.081	1.470.579.700
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	2.590.272.558	2.590.272.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(1.145.365.058)	(1.119.692.858)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	31.945.124.581	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	154.792.900.038	110.234.741.884
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		104.287.651.593	86.572.360.602
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12.242.508.864	11.837.103.127
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		15.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		32.650.618.885	18.610.392.472
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.660.812.280)	(7.086.472.884)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		272.932.976	301.358.567
140	IV. Hàng tồn kho	7	4.246.361.401	3.850.341.588
141	1. Hàng tồn kho		4.528.618.404	4.132.598.591
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(282.257.003)	(282.257.003)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.265.225.159	667.100.079
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.290.459.038	574.602.499
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.974.766.121	92.497.580

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.501.560.654.093	547.480.573.147
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	8	3.460.010.000	3.554.580.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		2.139.900.000	3.362.700.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		1.320.110.000	191.880.000
220	II. Tài sản cố định		88.240.582.602	56.719.743.288
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	87.838.418.602	55.432.193.288
222	Nguyên giá		174.032.711.456	132.967.865.523
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(86.194.292.854)	(77.535.672.235)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	402.164.000	1.287.550.000
228	Nguyên giá		1.633.573.779	2.465.843.779
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.231.409.779)	(1.178.293.779)
230	III. Tài sản dở dang dài hạn	11	97.268.235.696	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		97.268.235.696	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	1.304.754.065.505	483.864.436.700
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.186.058.305.427	413.260.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		118.695.760.078	4.162.060.000
253	3. Đầu tư dài hạn khác		-	75.558.898.375
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(9.116.521.675)
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.837.760.290	3.341.813.159
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.616.374.947	2.904.596.959
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	1.221.385.343	437.216.200
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.729.309.716.512	675.892.865.167

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		819.515.994.498	509.391.500.908
310	I. Nợ ngắn hạn		221.022.513.526	110.980.619.908
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	73.469.523.330	53.265.750.406
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	20.066.868.359	16.445.146.193
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.191.362.844	2.597.733.162
314	4. Phải trả người lao động		9.413.963.347	7.737.494.518
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	4.158.067.926	709.293.361
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	107.821.858.396	12.251.221.690
320	7. Vay ngắn hạn	19	-	17.973.980.578
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.900.869.324	-
330	II. Nợ dài hạn		598.493.480.972	398.410.881.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		544.460.000	224.800.000
338	2. Vay dài hạn	19	596.052.222.222	396.000.000.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	20	1.896.798.750	2.186.081.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		909.793.722.014	166.501.364.259
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	909.793.722.014	166.501.364.259
411	1. Vốn cổ phần		854.378.790.000	137.803.490.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		854.378.790.000	137.803.490.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.033.034.900)	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	8.378.540.122
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	7.276.861.099
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.447.966.914	13.042.473.038
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		57.447.966.914	13.042.473.038
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.729.309.716.512	675.892.865.167



(Signature)

Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập

(Signature)

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	723.691.353.721	996.109.538.956
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	723.691.353.721	996.109.538.956
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23, 26	(588.598.738.930)	(849.201.753.017)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		135.092.614.791	146.907.785.939
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	2.109.964.249	1.176.039.085
22 23	6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(57.266.488.192) (56.392.132.187)	(11.032.424.485) (1.831.408.810)
25	7. Chi phí bán hàng	25, 26	(43.975.383.534)	(69.354.231.992)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25, 26	(36.059.968.495)	(32.031.430.422)
30	9. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(99.261.181)	35.665.738.125
31	10. Thu nhập khác	27	75.242.575.625	478.607.204
32	11. Chi phí khác	27	(763.033.522)	(2.686.823.954)
40	12. Lợi nhuận (lỗ) khác	27	74.479.542.103	(2.208.216.750)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		74.380.280.922	33.457.521.375
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(16.315.136.052)	(7.904.874.798)
52	15. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	28.2	784.169.143	(328.168.255)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		58.849.314.013	25.224.478.322

Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		74.380.280.922	33.457.521.375
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	9.402.115.917	6.897.790.232
03	Các khoản dự phòng		(6.516.510.079)	9.612.090.258
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		39.210.763	(1.966.819)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư và nhận hỗ trợ di dời		(68.906.505.848)	(617.256.127)
06	Chi phí lãi vay	24	58.444.354.409	1.831.408.810
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		66.842.946.084	51.179.587.729
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(36.186.274.916)	7.287.413.138
10	Tăng hàng tồn kho		(396.019.813)	(3.079.137.715)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		32.029.545.384	(2.378.355.528)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(799.822.027)	2.311.539.521
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	4.388.847.542
14	Tiền lãi vay đã trả		(53.186.652.634)	(1.269.408.810)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(13.214.825.116)	(10.115.918.461)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(408.136.884)	(3.235.079.945)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(5.319.239.922)	45.089.487.471
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(143.110.291.834)	(6.921.962.032)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản và nhận hỗ trợ di dời		123.974.092.727	-
23	Tiền chi cho đơn vị khác vay, ủy thác đầu tư và tiền gửi có kỳ hạn		(191.600.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay và ủy thác đầu tư		137.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(811.773.107.130)	(489.920.958.375)
26	Tiền thu hồi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		39.940.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức		1.777.380.219	2.288.729.993
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(843.791.926.018)	(494.554.190.414)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	686.984.415.100	-
33	Tiền thu từ đi vay		396.880.580.112	766.660.711.188
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(216.854.560.690)	(352.686.730.610)
36	Cổ tức đã trả	21.3	(11.584.400)	(8.341.894.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		866.998.850.122	405.632.085.878
50	Tăng (giảm) thuần tiền trong năm		17.887.684.182	(43.832.617.065)
60	Tiền đầu năm		12.189.528.769	55.985.234.549
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(22.669.211)	36.911.285
70	Tiền cuối năm	4	30.054.543.740	12.189.528.769



[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập

[Handwritten signature]

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



[Handwritten signature]
Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 343 (31 tháng 12 năm 2015: 257).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.950.101.200	722.141.171
Tiền gửi ngân hàng	28.104.442.540	11.467.387.598
TỔNG CỘNG	30.054.543.740	12.189.528.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	8.132.500	(119.740.058)	127.872.558	16.929.700	(110.942.858)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	7.736.800	(119.015.647)	126.752.447	16.440.700	(110.311.747)
Cổ phiếu khác	1.120.111	395.700	(724.411)	1.120.111	489.000	(631.111)
Chứng khoán chưa niêm yết	2.462.400.000	1.436.775.000	(1.025.625.000)	2.462.400.000	1.453.650.000	(1.008.750.000)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	1.537.500.000	511.875.000	(1.025.625.000)	1.537.500.000	528.750.000	(1.008.750.000)
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Phong Phú	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	368.900.000	368.900.000	-	368.900.000	368.900.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-
TỔNG CỘNG	2.590.272.558	1.444.907.500	(1.145.365.058)	2.590.272.558	1.470.579.700	(1.119.692.858)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy thác đầu tư – số thuần (i)	22.345.124.581	-
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	9.600.000.000	-
TỔNG CỘNG	31.945.124.581	-

(i) Đây là khoản ủy thác cho Công ty Quản lý Quỹ Việt Cát đầu tư với thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2016 nhằm mục đích đầu tư vào các loại chứng khoán, giấy tờ có giá và các hoạt động đầu tư khác.

(ii) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn 12 tháng và hưởng lãi suất 6.5% một năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	104.287.651.593	86.572.360.602
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan</i>		
(Thuyết minh số 29)	240.006.400	464.955.000
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	12.389.069.400	4.183.758.580
Các khoản phải thu khách hàng khác	91.658.575.793	81.923.647.022
Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.242.508.864	11.837.103.127
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên		
Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	8.773.817.614
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ	1.222.800.000	1.222.800.000
Các khoản trả trước khác	2.245.891.250	1.840.485.513
Phải thu về cho vay ngắn hạn (i)	15.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	32.650.618.885	18.610.392.472
<i>Trong đó:</i>		
Phí vận chuyển trả hộ	15.990.200.164	10.805.975.900
Tạm ứng cho nhân viên	14.042.971.829	5.381.027.821
Ký quỹ ngắn hạn	2.384.935.000	2.081.298.000
Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan		
(Thuyết minh số 29)	117.500.000	-
Phải thu khác	115.011.892	342.090.751
Tài sản thiếu chờ xử lý - Hàng tồn kho	272.932.976	301.358.567
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.660.812.280)	(7.086.472.884)
GIÁ TRỊ THUẦN	154.792.900.038	110.234.741.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

(i) Phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam, bên liên quan của Công ty, vay tín chấp với mức lãi suất 6%/năm. Khoản cho vay này có thời gian đáo hạn vào ngày 14 tháng 2 năm 2017 (*Thuyết minh số 29*).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(7.086.472.884)	(2.388.572.852)
Dự phòng trích lập trong năm	(3.266.691.515)	(4.935.017.509)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	692.352.119	237.117.477
Số cuối năm	<u>(9.660.812.280)</u>	<u>(7.086.472.884)</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Hàng hóa	4.528.618.404	4.132.598.591
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(282.257.003)	(282.257.003)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>4.246.361.401</u>	<u>3.850.341.588</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ	2.139.900.000	3.362.700.000
Phải thu dài hạn khác		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.320.110.000	191.880.000
TỔNG CỘNG	<u>3.460.010.000</u>	<u>3.554.580.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	75.258.146.902	6.007.517.506	49.611.686.456	2.090.514.659	132.967.865.523
Mua trong năm	70.000.000	-	41.652.509.093	36.454.545	41.758.963.638
Thanh lý	(84.956.681)	-	(609.161.024)	-	(694.117.705)
Số cuối năm	<u>75.243.190.221</u>	<u>6.007.517.506</u>	<u>90.655.034.525</u>	<u>2.126.969.204</u>	<u>174.032.711.456</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>33.347.849.049</i>	<i>3.440.130.340</i>	<i>15.603.045.216</i>	<i>894.749.565</i>	<i>53.285.774.170</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	40.940.407.094	4.842.475.433	30.320.797.089	1.431.992.619	77.535.672.235
Khấu hao trong năm	2.246.342.888	329.987.592	6.548.695.974	223.973.463	9.348.999.917
Thanh lý	(81.218.274)	-	(609.161.024)	-	(690.379.298)
Số cuối năm	<u>43.105.531.708</u>	<u>5.172.463.025</u>	<u>36.260.332.039</u>	<u>1.655.966.082</u>	<u>86.194.292.854</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>34.317.739.808</u>	<u>1.165.042.073</u>	<u>19.290.889.367</u>	<u>658.522.040</u>	<u>55.432.193.288</u>
Số cuối năm	<u>32.137.658.513</u>	<u>835.054.481</u>	<u>54.394.702.486</u>	<u>471.003.122</u>	<u>87.838.418.602</u>

Công ty đã sử dụng phương tiện vận tải với tổng giá trị còn lại là 24.367.815.810 VND làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước. Chi tiết của khoản trái phiếu này được thể hiện tại *Thuyết minh số 19*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Trang web</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.287.550.000	1.016.430.750	161.863.029	2.465.843.779
Mua trong năm	-	455.280.000	-	455.280.000
Thanh lý	(1.287.550.000)	-	-	(1.287.550.000)
Số cuối năm	-	1.471.710.750	161.863.029	1.633.573.779
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Hao mòn trong năm	-	53.116.000	-	53.116.000
Số cuối năm	-	1.069.546.750	161.863.029	1.231.409.779
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.287.550.000	-	-	1.287.550.000
Số cuối năm	-	402.164.000	-	402.164.000

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí phát triển dự án Trung Tâm Logistic Sotrans Phú Mỹ. Chi tiết chi phí đầu tư và xây dựng dự án như sau:

	VND	
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Chi phí xây dựng	94.604.499.287	-
Phân bổ tiền thuê đất	1.395.312.500	-
Chi phí tư vấn	972.538.182	-
Chi phí khác	295.885.727	-
TỔNG CỘNG	97.268.235.696	-

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào các công ty con	1.186.058.305.427	-	413.260.000.000	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	118.695.760.078	-	4.162.060.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	75.558.898.375	(9.116.521.675)
TỔNG CỘNG	1.304.754.065.505	-	492.980.958.375	(9.116.521.675)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (i)	Logistic	Đang hoạt động	100.00	877.992.075.000	100.00	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức (ii)	Logistic	Đang hoạt động	82.65	283.206.230.427	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín (iii)	Logistic	Đang hoạt động	51.00	14.660.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (iv)	Logistic	Đang hoạt động	51.00	10.200.000.000	51.00	10.200.000.000
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Bất động sản	Trước hoạt động	-	-	51.00	3.060.000.000
TỔNG CỘNG				1.186.058.305.427		413.260.000.000

- (i) Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của SII từ 400.000.000.000 VND lên 877.992.075.000 VND. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, việc góp vốn thêm bằng tiền này đã được hoàn thành.
- (ii) Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức (“Vietranstimex”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0400101901 do SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Vietranstimex là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã mua 17.616.750 cổ phiếu của Vietranstimex, tương đương 82.65% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này, trong đó 11.717.806 cổ phiếu của Vietranstimex được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước của Công ty. Chi tiết của các trái phiếu này được thể hiện tại *Thuyết minh số 19*.
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín (“Bảo Tín”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3001806817 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 3 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Bảo Tín là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã mua 1.466.600 cổ phiếu của Bảo Tín, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này.
- (iv) Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã góp 10,2 tỷ VND vào Cảng Miền Nam, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên doanh, liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			%	VND	%	VND
Công ty Cổ phần MHC (i)	Logistics	Đang hoạt động	23.00	94.533.700.078	-	-
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (ii)	Bất động sản	Trước hoạt động	50.00	10.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (iii)	Bất động sản	Trước hoạt động	50.00	10.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Lô-Gi-STíc Gefco – Sotrans (iv) ("Gefco – Sotrans Logistics")	Logistics	Đang hoạt động	24.50	4.162.060.000	24.50	4.162.060.000
TỔNG CỘNG				118.695.760.078		4.162.060.000

- (i) Công ty Cổ phần MHC ("MHC") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100793715 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 1998 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của MHC là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã mua 7.528.181 cổ phiếu của MHC, tương đương 23% tỷ lệ sở hữu trong công ty này, trong đó 5.425.249 cổ phiếu của MHC được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước của Công ty. Chi tiết của các trái phiếu này được thể hiện tại *Thuyết minh số 19*.
- (ii) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO ("SORECO") là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chủ sở hữu của SORECO đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của SORECO từ 6 tỷ VND lên 20 tỷ VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chỉ góp thêm 6.940.000.000 VND vào SORECO. Việc góp vốn thêm này làm giảm quyền sở hữu của Công ty trong SORECO từ 51% xuống còn 50%. Theo đó, Công ty không còn quyền kiểm soát đối với SORECO và ghi nhận khoản đầu tư vào SORECO như một khoản đầu tư vào công ty liên doanh được đồng kiểm soát.
- (iii) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier ("The Pier") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã góp 10 tỷ VND vào The Pier, tương đương 50% tỷ lệ sở hữu trong công ty liên doanh này.
- (iv) Công ty TNHH Lô-Gi-STíc Gefco – Sotrans ("Gefco – Sotrans Logistics"), một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015 với vốn điều lệ là 16.988.000.000 VND. Hoạt động chính của Gefco – Sotrans Logistics là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải và dịch vụ kho bãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	612.146.449	80.304.951
Chi phí sửa chữa	372.456.844	75.920.004
Khác	305.855.745	418.377.544
TỔNG CỘNG	1.290.459.038	574.602.499
Dài hạn		
Thuê đất	3.627.812.500	-
Chi phí sửa chữa	1.729.117.844	2.823.316.285
Công cụ dụng cụ	313.922.061	58.432.394
Khác	945.522.542	22.848.280
TỔNG CỘNG	6.616.374.947	2.904.596.959

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	8.159.144.670	6.310.428.039
Công ty Cổ phần SCI	19.197.109.863	-
Phải trả người bán khác	46.113.268.797	46.955.322.367
TỔNG CỘNG	73.469.523.330	53.265.750.406

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 29</i>)	19.835.303.355	15.951.866.064
Người mua khác trả tiền trước	231.565.004	493.280.129
TỔNG CỘNG	20.066.868.359	16.445.146.193

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.553.329.232	59.802.094.779	(61.355.424.011)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	907.225.188	16.315.136.052	(13.214.825.116)	4.007.536.124
Thuế thu nhập cá nhân	137.178.742	2.269.901.802	(2.223.253.824)	183.826.720
TỔNG CỘNG	2.597.733.162	78.387.132.633	(76.793.502.951)	4.191.362.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	3.733.986.108	562.000.000
Khác	424.081.818	147.293.361
TỔNG CỘNG	4.158.067.926	709.293.361

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	40.000.000.000	-
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	-
Nhận tạm ứng từ bên liên quan	17.110.500.000	-
Nhận ký quỹ	9.474.189.650	9.460.861.365
Hoa hồng môi giới	476.141.855	1.085.957.547
Cổ tức phải trả	171.982.963	183.567.363
Các khoản phải trả, phải nộp khác	649.043.928	1.520.835.415
TỔNG CỘNG	107.821.858.396	12.251.221.690

Trong đó:

<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	64.110.500.000	7.000.000.000
<i>Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C</i>	39.940.000.000	-
<i>Phải trả các bên khác</i>	3.771.358.396	5.251.221.690

- (i) Đây là khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (ii) Đây là khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS và số 02/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier và SORECO.

19. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Vay đơn vị khác	-	17.973.980.578
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước	596.052.222.222	396.000.000.000
TỔNG CỘNG	596.052.222.222	413.973.980.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	17.973.980.578	396.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	198.880.580.112	198.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	(216.854.560.690)	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	2.052.222.222
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>596.052.222.222</u>

Chi tiết trái phiếu vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị	Kỳ hạn
VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	Ngày 23 tháng 12 năm 2015	400.000.000.000	6 năm
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (ii)	Ngày 19 tháng 4 năm 2016	130.000.000.000	3 năm
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	Ngày 22 tháng 6 năm 2016	70.000.000.000	3 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		<u>(3.947.777.778)</u>	
TỔNG CỘNG		<u>596.052.222.222</u>	

(i) Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 400 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau sáu (6) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 5,87%/năm cho kỳ ba tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ ba tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Vietinbank cộng với biên độ 3,5%/năm. Công ty được quyền mua lại trái phiếu trước hạn sau hai (2) năm kể từ ngày phát hành hoặc duy trì các khoản tiền gửi (bao gồm cả tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn) tại ngân hàng Vietinbank và các khoản tiền gửi này sẽ được phong tỏa sao cho tổng số dư các khoản tiền gửi này là:

- tối thiểu tương đương 100 tỷ VND từ thời điểm hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành; và
- tối thiểu tương đương 200 tỷ VND từ thời điểm ba mươi sáu (36) tháng đến bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là các tài sản thuộc sở hữu của Công ty bao gồm phương tiện vận tải (Thuyết minh số 9), 5.425.249 cổ phiếu của MHC (Thuyết minh số 12.2) và 36.905.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam, một công ty con của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

- (ii) Vào ngày 19 tháng 4 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 130 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (“Việt Cát”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 7.316.180 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận Tải Đa Phương Thức, trong đó 7.217.806 cổ phiếu do Công ty sở hữu (*Thuyết minh số 12.1*) và 98.374 cổ phiếu do Công ty Cổ phần SCI sở hữu; và 3.279.317 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

- (iii) Vào ngày 22 tháng 6 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 70 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 4.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận Tải Đa Phương Thức do Công ty sở hữu (*Thuyết minh số 12.1*) và 5.000.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	83.518.570.000	-	8.097.890.172	28.139.561.099	33.441.158.743	153.197.180.014
Tăng vốn trong năm	41.758.430.000	-	-	(20.862.700.000)	(20.895.730.000)	-
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	12.526.490.000	-	-	-	(12.526.490.000)	-
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(8.351.857.000)	(8.351.857.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	25.224.478.322	25.224.478.322
Trích lập các quỹ	-	-	280.649.950	-	(3.287.149.450)	(3.006.499.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(561.937.577)	(561.937.577)
Số cuối năm	<u>137.803.490.000</u>	<u>-</u>	<u>8.378.540.122</u>	<u>7.276.861.099</u>	<u>13.042.473.038</u>	<u>166.501.364.259</u>
Năm nay						
Số đầu năm	137.803.490.000	-	8.378.540.122	7.276.861.099	13.042.473.038	166.501.364.259
Tăng vốn trong năm (i)	705.552.280.000	(2.033.034.900)	(8.378.540.122)	(7.276.861.099)	(879.428.779)	686.984.415.100
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (i)	11.023.020.000	-	-	-	(11.023.020.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	58.849.314.013	58.849.314.013
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.537.586.653)	(2.537.586.653)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(3.784.705)	(3.784.705)
Số cuối năm	<u>854.378.790.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>57.447.966.914</u>	<u>909.793.722.014</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 8 năm 2015, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) về việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VND/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 13.780.563 cổ phiếu được phát hành thêm, để đầu tư xây dựng kho Phú Mỹ và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

Ngày 24 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 13.780.349 cổ phiếu theo kế hoạch trên, tương đương với 137.803.490.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 137.803.490.000 VND lên 275.606.980.000 VND theo theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Kinh Doanh sửa đổi lần thứ 10 ngày 17 tháng 5 năm 2016.

Sau đó, theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2016, cổ đông của Công ty cũng đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) về việc phát hành 1.102.427 cổ phiếu để trả cổ tức tại mức 4% trên mệnh giá cổ phiếu; phát hành 1.653.641 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty từ vốn khác của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; và phát hành 55.121.396 cổ phiếu với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VND/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:2 (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu được mua 2 cổ phiếu phát hành thêm) cho mục đích mua bán, sáp nhập doanh nghiệp và trả nợ trái phiếu đã phát hành.

Ngày 20 tháng 9 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 57.877.181 cổ phiếu trị giá 578.771.810.000 VND, trong đó 55.121.396 cổ phiếu được phát hành để tăng vốn điều lệ của Công ty (tương đương với 551.213.960.000 VND), 1.653.483 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty từ vốn khác của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (tương đương với 16.534.830.000 VND), và 1.102.302 cổ phiếu được phát hành để trả cổ tức (tương đương với 11.023.020.000 VND). Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 275.606.980.000 VND lên 854.378.790.000 VND theo theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Kinh Doanh sửa đổi lần thứ 11 ngày 13 tháng 12 năm 2016.

21.2 Cổ phiếu

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	85.437.879	13.780.349
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	85.437.879	13.780.349

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015: 10.000 VND).

21.3 Cổ tức

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố trong năm	11.023.020.000	20.878.347.000
Cổ tức đã trả trong năm	11.584.400	8.341.894.700
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	11.023.020.000	12.526.490.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	616.291.094.951	781.268.742.699
Doanh thu bán hàng hóa	107.400.258.770	214.840.796.257
TỔNG CỘNG	<u>723.691.353.721</u>	<u>996.109.538.956</u>

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.582.147.219	508.546.127
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	332.584.030	558.782.958
Cổ tức, lợi nhuận được chia	195.233.000	108.710.000
TỔNG CỘNG	<u>2.109.964.249</u>	<u>1.176.039.085</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	489.582.041.554	647.846.775.519
Giá vốn của hàng hóa đã bán	99.016.697.376	201.354.977.498
TỔNG CỘNG	<u>588.598.738.930</u>	<u>849.201.753.017</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	56.392.132.187	1.831.408.810
Lỗ từ hoạt động ủy thác đầu tư (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	7.654.875.419	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	(9.090.849.475)	8.312.704.985
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.052.222.222	-
Khác	251.554.863	821.282.660
	6.552.976	67.028.030
TỔNG CỘNG	<u>57.266.488.192</u>	<u>11.032.424.485</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	43.975.383.534	69.354.231.992
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí lương	27.932.120.968	45.649.471.975
Chi phí bán hàng khác	16.043.262.566	23.704.760.017
Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.059.968.495	32.031.430.422
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí lương	23.307.380.782	15.045.721.546
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.574.339.396	4.697.900.032
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.178.248.317	12.287.808.844

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	489.582.041.554	656.574.821.524
Giá vốn hàng hóa đã bán	99.016.697.376	201.354.977.498
Chi phí nhân công	51.239.501.750	60.695.193.521
Chi phí khấu hao và hao mòn (<i>Thuyết minh số 9 và 10</i>)	9.402.115.917	6.897.790.232
Chi phí khác	19.393.734.362	25.064.632.656
TỔNG CỘNG	668.634.090.959	950.587.415.431

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	75.242.575.625	478.607.204
Nhận tiền hỗ trợ di dời	72.101.196.728	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.682.804.320	-
Thu nhập khác	458.574.577	478.607.204
Chi phí khác	(763.033.522)	(2.686.823.954)
Chi phí nộp phạt	(445.417.440)	(2.611.809.327)
Chi phí khác	(317.616.082)	(75.014.627)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	74.479.542.103	(2.208.216.750)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.141.464.306	7.707.225.188
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	173.671.746	197.649.610
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(784.169.143)</u>	<u>328.168.255</u>
TỔNG CỘNG	<u>15.530.966.909</u>	<u>8.233.043.053</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>74.380.280.922</u>	<u>33.457.521.375</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2015: 22%)	14.876.056.184	7.360.654.703
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	653.249.579	654.933.320
Thu nhập không chịu thuế	<u>(172.010.600)</u>	<u>(23.916.200)</u>
Điều chỉnh khác	-	43.721.620
Chi phí thuế TNDN năm nay	15.357.295.163	8.035.393.443
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	<u>173.671.746</u>	<u>197.649.610</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>15.530.966.909</u>	<u>8.233.043.053</u>

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	379.359.750	437.216.200	(57.856.450)	(328.168.255)
Chi phí phải trả	842.025.593	-	842.025.593	-
TỔNG CỘNG	1.221.385.343	437.216.200	784.169.143	(328.168.255)

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	39.115.556.336	8.728.402.146
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	1.605.500.090	-
		Cho vay	40.000.000.000	-
		Thu hồi cho vay	25.000.000.000	-
		Lãi cho vay	192.666.667	-
		Vay	33.000.000.000	-
		Hoàn trả khoản vay	33.000.000.000	-
		Lãi vay	155.833.333	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín	Công ty con	Mua dịch vụ	21.721.125.685	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Cho vay	32.000.000.000	-
		Thu hồi cho vay	32.000.000.000	-
		Lãi cho vay	405.155.556	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>
				<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Ứng trước tiền hỗ trợ di dời	40.000.000.000	-
		Thu nhập từ nhận hỗ trợ di dời	18.181.818.182	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Thu nhập từ nhận hỗ trợ di dời	54.545.454.546	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức	Công ty con	Mua tài sản	900.000.000	-
		Mua dịch vụ	577.690.318	-
		Cung cấp dịch vụ	105.600.000	-
		Nhận tạm ứng	40.000.000.000	-
		Hoàn trả tạm ứng	40.000.000.000	-

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i>
				<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	212.506.400	464.955.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín	Công ty con	Mua dịch vụ	27.500.000	-
			240.006.400	464.955.000
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty liên quan	Cho vay	15.000.000.000	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty liên quan	Lãi cho vay	117.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	<u>19.835.303.355</u>	<u>15.951.866.064</u>
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức	Công ty con	Mua dịch vụ	524.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	1.032.456.670	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín	Công ty con	Mua dịch vụ	6.602.688.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Mua dịch vụ	-	6.310.428.039
			<u>8.159.144.670</u>	<u>6.310.428.039</u>
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	40.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Nhận tạm ứng	17.110.500.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Đặt cọc thuê cảng	7.000.000.000	7.000.000.000
			<u>64.110.500.000</u>	<u>7.000.000.000</u>

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương, thù lao và thưởng	<u>4.155.884.608</u>	<u>3.953.299.218</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	9.304.904.950	11.616.464.307
Từ 1 đến 5 năm	8.751.580.000	23.921.132.080
Trên 5 năm	50.608.800.000	483.623.920
TỔNG CỘNG	68.665.284.950	36.021.220.307

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 79.418.444.606 VND chủ yếu liên quan đến việc phát triển dự án Trung tâm Logistic Sotrans Phú Mỹ.

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	150.826	18.449
- Đồng Euro (EUR)	7.321	1.658
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	624.958.040	624.958.040

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2017